

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG
ĐHCQ K10_ KỲ II_ NĂM HỌC 2024-2025

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	000001	106	5.00	01
2	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	000002	275	6.60	01
3	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	000003	314	7.80	01
4	1001030469	Hà Vân	Anh	27/08/2004	QT10A	000004	437	6.20	01
5	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	000005	541	6.60	01
6	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	000006	693	6.00	01
7	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	000007	768	7.40	01
8	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	000008	829	6.80	01
9	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	000009	314	6.80	01
10	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	000010	106	7.00	01
11	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	000011	275	6.80	01
12	901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	000012	314	7.20	01
13	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	000013	437	7.60	01
14	1001030501	Vì Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	000014	541	6.60	01
15	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	000015	693	6.80	01
16	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	000016	768	7.40	01
17	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	000017	829	7.00	01
18	1001030526	Đoàn Vân	Dung	04/09/2004	QT10A	000018	106	7.40	01
19	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	000019	275	6.20	01
20	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	000020	314	7.00	01
21	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	000021	437	6.20	01
22	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	000022	541	7.40	01
23	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	000023	693	6.00	01
24	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	000024	768	7.40	01
25	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	000025	829	6.40	01
26	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	000026	106	5.60	01
27	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	000027	275	5.20	01
28	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	000028	106	7.60	01
29	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	000029	275	7.40	01
30	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	000030	314	6.60	01

31	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	000031	437	7.40	01
32	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	000032	541	7.40	01
33	901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	000033	693	7.00	01
34	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	000034	768	7.00	01
35	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	000035	829	6.20	01
36	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	000036	106	6.80	01
37	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	000037	275	6.60	01
38	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	000038	314	7.60	01
39	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	000039	437	7.60	01
40	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	000040	541	7.40	01
41	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phuong	13/12/2004	QT10A	000041	693	6.60	01
42	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	000042	768	7.20	01
43	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	000043	829	5.80	01
44	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	000044	106	7.20	01
45	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	000045	275	6.20	01
46	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	000046	314	7.20	01
47	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	000047	437	7.60	01
48	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	000048	541	7.40	01
49	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	000049	693	6.20	01
50	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	000050	768	7.40	01
51	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	000051	829	6.80	01
52	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	000052	106	7.00	01
53	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	000053	275	6.80	01
54	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	000054	314	6.40	01
55	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	000055	106	7.00	01
56	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	000056	275	6.60	01
57	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	000057	314	6.60	01
58	901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	000058			01
59	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	000059	829	6.40	02
60	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	000060	541	8.00	02
61	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	000061	693	5.40	02
62	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	000062	768	7.00	02
63	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	000063	829	6.80	02
64	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	000064	106	5.80	02
65	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	000065	275	6.40	02
66	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	000066	314	5.60	02

67	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	000067	693	5.20	02
68	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	000068	541	6.80	02
69	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	000069			02
70	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	000070	693	6.20	02
71	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	000071	768	5.80	02
72	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	000072	829	4.80	02
73	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	000073	106	5.20	02
74	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	000074	275	7.40	02
75	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	000075	314	7.60	02
76	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	000076	437	7.20	02
77	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	000077	541	7.00	02
78	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	000078	693	6.60	02
79	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	000079	768	7.40	02
80	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	000080	829	7.00	02
81	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	000081	106	7.60	02
82	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	000082	829	6.00	02
83	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	000083	768	7.40	02
84	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	000084	693	7.00	02
85	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	000085	541	7.60	02
86	1001031391	Phạm Thuý	Linh	14/07/2004	QT10B	000086	437	4.20	02
87	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	000087	314	6.20	02
88	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	000088	275	6.00	02
89	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	000089	106	6.40	02
90	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	000090	829	6.60	02
91	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	000091	768	8.00	02
92	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	000092	693	7.20	02
93	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	000093	541	7.20	02
94	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	000094	437	6.80	02
95	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	000095	314	6.80	02
96	1001030666	Lý Thu	Phuong	10/09/2004	QT10B	000096	275	6.80	02
97	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	000097	106	7.40	02
98	1001030681	Nguyễn Hữu	Son	08/12/2004	QT10B	000098	829	6.00	02
99	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	000099	768	7.20	02
100	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	000100	693	6.20	02
101	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	000101	541	6.00	02
102	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	000102	437	6.40	02

103	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	000103	314	7.20	02
104	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	000104	275	6.20	02
105	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	000105	106	6.00	02
106	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	000106	829	7.40	02
107	1001030729	Chữ Quốc	Tuần	30/03/2004	QT10B	000107	768	7.60	02
108	1001030732	Vũ Văn	Tuần	02/01/2004	QT10B	000108	693	6.40	02

Tổng số bài thi: 106

Hưng Yên. Ngày 02 tháng 7 năm 2025

Cán bộ chấm 1



Nguyễn Thị Bích Hường

Cán bộ chấm 2



Nguyễn Thị Thu Linh